



## BẢNG ĐẶC TẢ CHƯƠNG TRÌNH

GIỚI THIỆU	
1. Cơ sở đào tạo và cấp bằng	Trường Đại học Kinh tế - Luật
2. Tổ chức kiểm định chất lượng đào tạo	Đại học quốc gia TP.HCM
3. Bằng cấp cuối cùng	Cử nhân Kinh tế doanh quốc tế
4. Tên chương trình	Kinh doanh quốc tế
5. Khoa đào tạo	Kinh tế đối ngoại
6. Mục tiêu của chương trình	Sinh viên tốt nghiệp sẽ được trang bị các kiến thức chuyên môn chuyên sâu, kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng mềm cần thiết, đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, sẵn sàng làm việc trong các lĩnh vực sản xuất kinh doanh nói chung và kinh doanh quốc tế nói riêng.
7. Cơ hội nghề nghiệp	<p><i>Nhóm 1: Các trường đại học, viện nghiên cứu.</i> Sinh viên tốt nghiệp có thể làm việc với tư cách giảng viên, chuyên viên nghiên cứu, tư vấn, phân tích hoạch định chính sách</p> <p><i>Nhóm 2: Các cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực kinh tế đối ngoại.</i> Các công việc sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể đảm nhiệm là chuyên viên quan hệ quốc tế trong các cơ quan/Vụ/Viện về các vấn đề kinh tế đối ngoại và kinh doanh quốc tế như Bộ Công thương, Bộ Ngoại giao, Vụ hợp tác quốc tế của các Bộ, Ủy ban Quốc gia về Hợp tác Quốc tế, Sở Kế hoạch &amp; Đầu tư, Sở thương mại, Cục xúc tiến thương mại...</p> <p><i>Nhóm 3: Các doanh nghiệp kinh doanh quốc tế.</i> Trong nhóm này bao gồm chuyên viên có năng lực, trong tương lai có khả năng trở thành doanh nhân hoặc nhà quản lý cao cấp trong các doanh nghiệp trong và ngoài nước ở các vị trí có liên quan đến kinh tế đối ngoại như chuyên viên kinh doanh xuất nhập khẩu, logistics, phát triển thị trường quốc tế và thương hiệu, thanh toán quốc tế, quan hệ quốc tế,...</p> <p><i>Nhóm 4: Các tổ chức, định chế kinh tế quốc tế.</i> Sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể trở thành các chuyên viên có năng lực, trong tương lai trở thành các chuyên gia trong các tổ chức quốc tế như ILO, UNCTAD, ADB, IMF, World Bank, NGOs..</p>
8. Tiêu chuẩn nhập học vào chương trình	Theo quy chế tuyển sinh đại học và điểm chuẩn của trường
9. Thời gian đào tạo	Bốn năm, toàn thời gian
10. Tổng số tín chỉ	130



<b>11. Phương pháp giảng dạy, đánh giá</b>	Phương pháp dạy và học: Thuyết giảng, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân, case study, động não, thuyết trình, phân biện, dự án. Phương pháp đánh giá: Thi giữa kỳ, thi cuối kỳ, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, tiểu luận, dự án nhóm.
<b>12. Ngôn ngữ giảng dạy</b>	Tiếng Việt
<b>13. Thời điểm mà bản mô tả chương trình được áp dụng</b>	Tháng 8- 2014
<b>14. Cơ hội học vượt/ song bằng</b>	Sinh viên có thể tốt nghiệp sớm hơn thời gian qui định (3 năm) Sinh viên có thể tham gia chương trình đào tạo song bằng: Kinh doanh quốc tế và các ngành kinh tế khác tại Trường
<b>15. Nơi công bố các thông tin về chương trình</b>	<a href="http://www.uel.edu.vn">http://www.uel.edu.vn</a> <a href="http://www.ier.uel.edu.vn">http://www.ier.uel.edu.vn</a> Sổ tay sinh viên, tờ rơi.

#### **MỤC TIÊU ĐÀO TẠO CỦA CHƯƠNG TRÌNH**

Mục tiêu đào tạo của chương trình tuân theo mục tiêu đào tạo chung bậc đại học của trường Đại học Kinh tế - Luật.

##### **Mục tiêu chung của chương trình:**

Trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp vững vàng để làm việc trong lĩnh vực kinh doanh và kinh doanh quốc tế, đáp ứng nhu cầu xã hội về nguồn nhân lực chất lượng cao trong hội nhập kinh tế quốc tế và phát triển kinh tế đất nước

##### **Các mục tiêu cụ thể của chương trình:**

- Đào tạo đội ngũ những nhà quản lý có kiến thức vững vàng trong hoạch định và triển khai hoạt động kinh doanh quốc tế;
- Đào tạo đội ngũ quản lý có khả năng nhận biết và giải quyết các vấn đề trong hoạt động kinh doanh quốc tế;
- Đào tạo những nhà quản lý có kỹ năng chuyên môn cao để có thể thích ứng với môi trường kinh doanh quốc tế;
- Đào tạo đội ngũ quản lý có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp

#### **CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH**

##### **1. KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN NGÀNH:**

- 1.1. KIẾN THỨC CƠ BẢN KHÓI NGÀNH KINH TẾ - QUẢN LÝ
- 1.2. KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ
- 1.3. KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ

##### **2. KỸ NĂNG, PHẨM CHẤT CÁ NHÂN VÀ NGHỀ NGHIỆP**

###### **2.1 LẬP LUẬN PHÂN TÍCH VÀ GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ/TẬN DỤNG CƠ HỘI**

- 2.1.1 Phát hiện và nhận dạng vấn đề
- 2.1.2 Khái quát hóa vấn đề
- 2.1.3 Phân tích định tính
- 2.1.4 Phân tích định lượng
- 2.1.5 Đánh giá và kết luận vấn đề
- 2.1.6 Đề xuất giải pháp và kiến nghị

###### **2.2 NGHIÊN CỨU VÀ KHÁM PHÁ KIẾN THỨC**

- 2.2.1 Xây dựng các giả thuyết

- 2.2.2 Tìm kiếm, thu thập tài liệu thứ cấp
- 2.2.3 Điều tra thu thập dữ liệu thực tế
- 2.2.4 Kiểm định các giả thuyết và kết luận
- 2.3 TƯ DUY HỆ THỐNG
  - 2.3.1 Hiểu phương pháp tư duy hệ thống
  - 2.3.2 Áp dụng tư duy hệ thống để giải quyết vấn đề
- 2.4 THÁI ĐỘ, TƯ TƯỞNG VÀ HỌC TẬP
  - 2.4.1 Chủ động ra quyết định trong điều kiện không chắc chắn
  - 2.4.2 Kiên trì, tháo vát và linh hoạt
  - 2.4.3 Tư duy sáng tạo
  - 2.4.4 Tư duy phân biện
  - 2.4.5 Tự nhận thức và tích lũy kiến thức
  - 2.4.6 Học tập suốt đời
  - 2.4.7 Quản lý thời gian và nguồn lực
- 2.5 ĐẠO ĐỨC, CÔNG BẰNG VÀ CÁC TRÁCH NHIỆM KHÁC
  - 2.5.1 Có đạo đức nghề nghiệp, trung thực và trách nhiệm xã hội
  - 2.5.2 Hành xử chuyên nghiệp
  - 2.5.3 Có tầm nhìn và định hướng trong cuộc sống
  - 2.5.4 Cập nhật kiến thức và thông tin trong lĩnh vực kinh doanh
  - 2.5.5 Chấp nhận sự khác biệt và công bằng
  - 2.5.6 Tin cậy và gắn bó với tổ chức
- 3. LÀM VIỆC NHÓM VÀ KỸ NĂNG GIAO TIẾP**
  - 3.1 LÀM VIỆC NHÓM
    - 3.1.1 Hình thành nhóm hiệu quả
    - 3.1.2 Hoạt động nhóm
    - 3.1.3 Phát triển nhóm
    - 3.1.4 Lãnh đạo nhóm
    - 3.1.5 Làm việc với các loại nhóm khác nhau
  - 3.2 GIAO TIẾP
    - 3.2.1 Lựa chọn chiến lược giao tiếp
    - 3.2.2 Lựa chọn cấu trúc giao tiếp phù hợp
    - 3.2.3 Giao tiếp bằng văn bản
    - 3.2.4 Giao tiếp thông qua các phương tiện điện tử và đa truyền thông
    - 3.2.5 Giao tiếp bằng đồ họa
    - 3.2.6 Thuyết trình
    - 3.2.7 Hỏi, nghe và đối thoại
    - 3.2.8 Đàm phán, thỏa hiệp và giải quyết xung đột
    - 3.2.9 Vận động, thuyết phục
    - 3.2.10 Xây dựng mạng lưới quan hệ khác nhau
  - 3.3 GIAO TIẾP BẰNG NGOẠI NGỮ
    - 3.3.1 Giao tiếp bằng tiếng Anh tổng quát
    - 3.3.2 Giao tiếp bằng tiếng Anh thương mại: chuẩn TOEIC 550
- 4. NĂNG LỰC THỰC HÀNH NGHỀ NGHIỆP**
  - 4.1 BỐI CẢNH BÊN NGOÀI, XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG
    - 4.1.1 Hiểu rõ vai trò và trách nhiệm cử nhân kinh doanh quốc tế đối với xã hội
    - 4.1.2 Nhận thức ảnh hưởng của hoạt động kinh doanh quốc tế đến xã hội và môi trường
    - 4.1.3 Nhận biết các quy định điều tiết của xã hội đối với hoạt động kinh doanh quốc tế



- 4.1.4 Nhận biết bối cảnh lịch sử và văn hóa
- 4.1.5 Nắm bắt các vấn đề và giá trị đương đại
- 4.1.6 Nâng cao nhận thức toàn cầu hóa
- 4.2 BỐI CẢNH DOANH NGHIỆP VÀ KINH DOANH QUỐC TẾ
  - 4.2.1 Tôn trọng sự đa dạng của văn hóa doanh nghiệp
  - 4.2.2 Hiểu về các bên liên quan, chiến lược và mục tiêu của doanh nghiệp
  - 4.2.3 Nắm bắt cơ hội trong kinh doanh
  - 4.2.4 Hiểu cấu trúc và đặc điểm của tổ chức
  - 4.2.5 Phát triển và đánh giá sáng kiến kinh doanh
  - 4.2.6 Ứng dụng công nghệ thông tin
- 4.3 HÌNH THÀNH Ý TƯỞNG KINH DOANH QUỐC TẾ
  - 4.3.1 Xác định các cơ sở hình thành ý tưởng
  - 4.3.2 Xác định mục tiêu và phạm vi dự án
  - 4.3.3 Xây dựng các phương án thay thế
  - 4.3.4 Mô tả dự án
- 4.4 THIẾT KẾ DỰ ÁN KINH DOANH QUỐC TẾ
  - 4.4.1 Xây dựng quy trình thiết kế dự án
  - 4.4.2 Sử dụng kiến thức trong thiết kế dự án
  - 4.4.3 Thiết kế dự án
  - 4.4.4 Thiết kế dự án đáp ứng các mục tiêu khác
- 4.5 ĐÁNH GIÁ DỰ ÁN KINH DOANH QUỐC TẾ
  - 4.5.1 Nghiên cứu tiền khả thi và khả thi
  - 4.5.2 Thẩm định dự án
  - 4.5.3 Đánh giá các nguồn lực cho thực hiện dự án
  - 4.5.4 Đánh giá các mục tiêu của dự án
  - 4.5.5 Đánh giá lợi ích của các bên liên quan
- 4.6 HOÀN THIỆN DỰ ÁN KINH DOANH QUỐC TẾ
  - 4.6.1 Xác định những hạn chế khi xây dựng dự án
  - 4.6.2 Điều chỉnh để hoàn thiện dự án
  - 4.6.3 Phát triển dự án mới
  - 4.6.4 Tích lũy và chia sẻ kiến thức

**Xin lưu ý:** Bản mô tả chương trình cung cấp tóm tắt ngắn gọn các đặc điểm chính của chương trình đào tạo. Những thông tin chi tiết về chương trình, nội dung môn học, phương pháp học tập, phương pháp giảng dạy và đánh giá có thể tìm thấy tại website <http://www.ier.uel.edu.vn>. Các thông tin trong tài liệu này được cập nhật hàng năm.

#### CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH TRONG 4 NĂM – (8 HỌC KỲ)

Học kỳ	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Ghi chú	
1	NL 01	Những NLCB của CN ML	5	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Chọn 1 trong 2 môn tự chọn.</li> <li>• Tổng số tín chỉ tích lũy trong kỳ: 16.</li> <li>• Không tính phần ngoại ngữ không chuyên vào số tín chỉ tích lũy.</li> </ul>	
	TO 01	Toán cao cấp	5		
	KT 06	Kinh tế học vi mô	4		
	NN 01	Ngoại ngữ không chuyên 1	4		
		<b>Môn tự chọn: 02 TC</b>			
	TL 01	Tâm lý học	2		
	GT 01	Nhập môn khoa học giao tiếp	2		
2	TO 03	Lý thuyết XS	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Chọn 1 môn 3 TC và 1 môn 2 TC đối với môn tự chọn</li> <li>• Tổng số tín chỉ tích lũy trong kỳ: 17</li> <li>• Không tính phần giáo dục</li> </ul>	
	QT 01	Quản trị học căn bản	3		
	KT 08	Kinh tế học vĩ mô	4		
	KK 01	Kế toán đại cương	3		
	NN 02	Ngoại ngữ không chuyên 2	4		



	QP 01	Giáo dục QP (4 tuần)	165tiết	quốc phòng và ngoại ngữ không chuyên vào số tín chỉ tích lũy.
	<b>Môn tự chọn: 05 TC</b>			
	QH 01	Quan hệ quốc tế	2	
	ĐL 03	Địa chính trị thế giới	2	
	TH 01	Tin học đại cương	3	
	LG 01	Logic học	3	
3	PL 01	Pháp luật đại cương	3	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Chọn 1 môn 3 TC và 1 môn 2 TC đối với môn tự chọn</li> <li>• Tổng số tín chỉ tích lũy trong kỳ: 17</li> <li>• Không tính phần giáo dục thể chất và ngoại ngữ không chuyên vào số tín chỉ tích lũy.</li> </ul>
	MA 01	Marketing căn bản	3	
	TC 10	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	
	TK 01	Thông kê ứng dụng	3	
	NN 03	Ngoại ngữ không chuyên 3	4	
	GT 01	Giáo dục thể chất	3	
	<b>Môn tự chọn: 05 TC</b>			
	LS 01	Lịch sử các học thuyết KT	3	
	LS 02	Lịch sử kinh tế VN & các nước	3	
	PP 01	Phương pháp NCKH	2	
	KN 01	Kỹ năng làm việc nhóm	2	
4	KT 02	Kinh tế lượng	3	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Chọn 1 trong 2 môn tự chọn.</li> <li>• Tổng số tín chỉ tích lũy trong kỳ: 18.</li> <li>• Không tính phần giáo dục thể chất và ngoại ngữ chuyên ngành vào số tín chỉ tích lũy.</li> </ul>
	LU 01	Luật kinh tế	3	
	KT 20	Kinh tế học quốc tế	3	
	KD11	Kinh doanh quốc tế 1	3	
	TN 03	Tài chính quốc tế	3	
	NN 04	Ngoại ngữ chuyên ngành	4	
	GT 02	Giáo dục thể chất	2	
	<b>Môn tự chọn: 03 TC</b>			
	GT 02	Giao tiếp trong kinh doanh	3	
	HV 02	Hành vi khách hàng	3	
5	DL 01	Đường lối CM của ĐCSVN	3	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Chọn 2 trong 4 môn tự chọn.</li> <li>• Tổng số tín chỉ tích lũy trong kỳ: 18</li> <li>• Không tính phần ngoại ngữ chuyên ngành vào số tín chỉ tích lũy.</li> </ul>
	KD 03	Kinh doanh quốc tế 2	3	
	QT 07	Quản trị tài chính công ty ĐQG 1	3	
	LD 02	Luật Kinh doanh quốc tế	3	
	NN 05	Ngoại ngữ chuyên ngành	4	
	<b>Môn tự chọn: 6 TC</b>			
	KY 02	Kinh doanh xuất nhập khẩu	3	
	MA 02	Nghiên cứu thị trường	3	
	KD 06	Đạo đức kinh doanh	3	
	ST 01	Luật Sở hữu trí tuệ	3	
6	TT 01	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Chọn 1 trong 3 môn tự chọn.</li> <li>• Tổng số tín chỉ tích lũy trong kỳ: 19.</li> <li>• Không tính phần ngoại ngữ chuyên ngành vào số tín chỉ tích lũy.</li> </ul>
	QT 08	Quản trị tài chính công ty ĐQG 2	3	
	MA 09	Marketing toàn cầu	3	
	QT 18	Quản trị nhân sự quốc tế	3	
	QU 01	Quản trị đa văn hóa	3	
	TT 01	Kiên tập	2	
	NN 06	Ngoại ngữ chuyên ngành	4	
	<b>Môn tự chọn: 3 TC</b>			
	HV 01	Hành vi tổ chức trong KD	3	
	MA 06	Quản trị Marketing	3	
	DB 01	Dự báo kinh doanh	3	
7	TN 09	Thẩm định và QT DADT	3	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Chọn 6 TC là Khóa luận tốt nghiệp hoặc 2 môn chuyên đề tốt nghiệp là Đầu tư quốc tế và Thương mại điện tử. Chọn 3 TC từ các môn còn lại</li> </ul>
	QT 09	Quản trị rủi ro trong kinh doanh quốc tế	3	
	QT 17	Quản trị chuỗi cung ứng	3	
	QT 16	Quản trị chiến lược toàn cầu	3	
	NN 07	Ngoại ngữ chuyên ngành	4	
	<b>Môn tự chọn: 09 TC</b>			
	KL 01	Khóa luận tốt nghiệp*	6	



	DT 01	Đầu tư quốc tế	3	• Tổng số tín chỉ tích lũy trong kỳ: 21 • Không tính phần ngoại ngữ chuyên ngành vào số tín chỉ tích lũy. • Khóa luận tốt nghiệp bảo vệ trong học kỳ 8
	KD 04	Thương mại điện tử	3	
	VT 01	Vận tải và bảo hiểm quốc tế	3	
	GT 04	Đàm phán kinh doanh	3	
8	BC 01	Thực tập cuối khóa	4	• Tổng số tín chỉ tích lũy trong kỳ: 4

#### HỖ TRỢ SINH VIÊN

- Một tuần sinh hoạt sinh viên đầu khóa;
- Phòng công tác chính trị sinh viên;
- Phòng hợp tác quốc tế;
- Trung tâm tư vấn, hỗ trợ sinh viên và quan hệ doanh nghiệp;
- Văn phòng của khoa hỗ trợ các vấn đề học tập của sinh viên;
- Trung tâm y tế;
- Đoàn thanh niên và Hội sinh viên;
- Thư viện và hệ thống mạng máy tính nội bộ của trường.

#### NGUỒN THÔNG TIN KHÁC

- Sổ tay sinh viên
- Website của Trường Đại học Kinh tế-Luật: [www.uel.edu.vn](http://www.uel.edu.vn)
- Website của Khoa Kinh tế đối ngoại: [www.ier.uel.edu.vn](http://www.ier.uel.edu.vn)
- Website của Đại học quốc gia – Thành phố Hồ Chí Minh: <http://www.vnuhcm.edu.vn/>
- Website của AUN: <http://www.aun-sec.org/>